

Số: /QĐ-BQL

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500
Dự án Nhà máy pha trộn keo dán Sư tử vàng Đình Vũ Việt Nam, lô đất
CN7.2H, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2), quận Hải An,
thành phố Hải Phòng**

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015; số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 về việc phê duyệt quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; số 1438/QĐ-TTg ngày 03/10/2012 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải đến năm 2025; số 173/QĐ-TTg ngày 04/02/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung về chỉ tiêu quy hoạch tại Quyết định số 1438/QĐ-TTg ngày 03/10/2012;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 về hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị; số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 về bổ sung một số điều của Thông tư 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố: số 2192/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải đến năm 2025; số 4390/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2);

số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; số 19/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 ban hành quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-BQL ngày 31/01/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) (Khu công nghiệp Deep C2A);

Căn cứ Hợp đồng thuê đất và sử dụng cơ sở hạ tầng số HPIP/CSM/CON/24/12 ngày 16/7/2024 giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng và Công ty TNHH keo dán Sư tử vàng Đình Vũ Việt Nam;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 0030680666, chứng nhận lần đầu ngày 02/8/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp cho Dự án Nhà máy pha trộn keo dán Sư tử vàng Đình Vũ Việt Nam;

Căn cứ Văn bản số HPIP/CSM/LET/24/8 ngày 15/10/2024 của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng về việc tham gia ý kiến đối với Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Dự án Nhà máy pha trộn keo dán Sư tử vàng Đình Vũ Việt Nam;

Xét đề nghị của Công ty TNHH keo dán Sư tử vàng Đình Vũ Việt Nam tại Tờ trình số 1810/TTr-2024 ngày 18/10/2024; Phòng Quy hoạch và Xây dựng tại Tờ trình số 371/TTr-QHXD ngày 31/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Dự án Nhà máy pha trộn keo dán Sư tử vàng Đình Vũ Việt Nam với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Dự án Nhà máy pha trộn keo dán Sư tử vàng Đình Vũ Việt Nam.

2. Vị trí, phạm vi nghiên cứu:

- **Vị trí:** Lô đất CN7.2H Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) (Deep C 2A), thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Phạm vi ranh giới :

- + Phía Bắc giáp đường khu công nghiệp E2;
- + Phía Nam giáp lô đất CN7.2G;
- + Phía Đông giáp đất trồng cây xanh;
- + Phía Tây giáp lô đất CN7.2J.

3. Quy mô quy hoạch:

Diện tích khu vực lập quy hoạch: 6.390,00m².

4. Tính chất, chức năng khu vực lập quy hoạch:

Xây dựng nhà xưởng, nhà văn phòng và các công trình phụ trợ, phục vụ pha trộn keo dán, nước xử lý, chất pha keo các loại cung ứng cho ngành sản xuất giày, dép, da, vải và ngành gỗ.

5. Nội dung quy hoạch sử dụng đất:

5.1. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng cơ cấu sử dụng đất

TT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng công trình	3.571,46	55,89
II	Đất cây xanh	1.288,50	20,16
III	Đất giao thông nội bộ + bãi đỗ xe	1.530,04	23,95
	Tổng diện tích quy hoạch	6.390,00	100,00

Bảng thống kê chi tiết sử dụng đất sau :

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao (tầng)
I	Đất xây dựng công trình		3.571,46	55,89	
1	Cổng + nhà bảo vệ	1	12,00		01
2	Nhà xưởng	2	3.312,00		01
3	Nhà văn phòng	3	179,00		02
4	Bể ngầm PCCC (xây ngầm tại khu vực Nhà văn phòng, diện tích 150m ²)	3.1	-		Xây ngầm
5	Trạm điện kios + máy phát điện	4	14,76		01
6	Trạm bơm	5	13,80		01
7	Nhà để xe máy	6	18,30		01
8	Nhà rác + khu vệ sinh	7	21,60		01
II	Đất cây xanh		1.288,50	20,16	
III	Đất giao thông nội bộ + đỗ xe		1.530,04	23,95	
	Tổng diện tích quy hoạch		6.390,00	100,00	

Ghi chú:

Mật độ xây dựng: 55,89%;

Hệ số sử dụng đất: 0,59 lần.

5.2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Đất xây dựng công trình: diện tích 3.571,46m², chiếm 55,89% diện tích khu đất, bao gồm các công trình nhà xưởng, nhà văn phòng và các công trình phụ trợ.

Các công trình được thiết kế đơn giản, hiện đại, phù hợp với cảnh quan khu vực xung quanh.

- Đất cây xanh: diện tích 1.288,50m², chiếm 20,16% diện tích khu đất. Khu đất cây xanh bố trí bao quanh các công trình kết hợp với hệ thống giao thông tạo cảnh quan thoáng đãng cho khu vực. Các loại cây trồng được lựa chọn phù hợp với điều kiện của địa phương và phù hợp với cảnh quan tổng thể khu vực.

- Đất giao thông nội bộ + sân bãi đỗ xe: diện tích 1.530,04m², chiếm 23,95% diện tích khu đất, bao gồm đường giao thông nội bộ, bãi đỗ xe.

5.3. Quy định kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan:

- Công trình điểm nhấn: Trong phạm vi khu đất, các công trình có chiều cao tầng tương đối bằng nhau và cùng hình thức kiến trúc nên đồ án không xác định công trình điểm nhấn.

- Chiều cao xây dựng công trình: Được xác định cụ thể trong giai đoạn thiết kế công trình.

- Khoảng lùi công trình: Căn cứ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) (Khu công nghiệp Deep C2A) được Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng phê duyệt tại Quyết định số 439/QĐ-BQL ngày 31/10/2023, chỉ giới xây dựng được xác định bằng khoảng lùi so với chỉ giới đường đỏ, cụ thể công trình chính trong các lô đất có khoảng lùi tối thiểu 6m.

- Màu sắc chủ đạo của công trình là màu sáng, nhẹ, nhã; tại các điểm nhấn có thể sử dụng màu đối lập.

5.4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a. Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Phía Bắc dự án giáp đường E2 (chiều rộng nền đường Bn = 21m (chiều rộng lòng đường 9m; chiều rộng vỉa hè hai bên 2x6m = 12m).

- Giao thông nội bộ:

+ Đường có chiều rộng lòng đường 11,5m, hè đường 1x1,0m kết nối giao thông từ cổng vào nhà máy

+ Các đường giao thông có chiều rộng lòng đường 3,5m đến 5m bao quanh các hạng mục công trình, đảm bảo nhu cầu giao thông trong nhà máy và đáp ứng yêu cầu phòng cháy chữa cháy.

- Bố trí cổng tại khu phía Bắc dự án, kết nối với đường E2.

b. Chuẩn bị kỹ thuật (cao độ lục địa):

- Căn cứ theo quy hoạch hạ tầng kỹ thuật trong đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) đã được phê duyệt, cao độ hoàn thiện khu công nghiệp $\geq +3,11$ m (hệ cao độ lục địa).

- Xét thực trạng địa hình khu vực lựa chọn cao độ nền xây dựng cốt nền xây dựng $\geq +3,11$ m (hệ cao độ lục địa); độ dốc thiết kế 0,4%.

c. Cấp nước:

- Nguyên tắc thiết kế: Tuân thủ các định hướng của đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và các dự án, quy hoạch đã được duyệt trong khu vực.

- Giải pháp thiết kế: Mạng lưới cấp nước sinh hoạt thiết kế riêng với mạng lưới cấp nước chữa cháy. Cấp nước chữa cháy là mạng vòng, cấp nước sinh hoạt

là mạng cụt. Nước từ mạng lưới của khu công nghiệp dẫn vào bể chứa nước chữa cháy và hệ thống nước sinh hoạt. Cấp nước đảm bảo an toàn và liên tục đến từng công trình.

- Nguồn cấp: Từ nhà máy nước Viwaseen tại Khu công nghiệp Đình Vũ.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong công trình là hệ thống các tuyến ống thép mạ kẽm D100 đặt ngầm nổi mạng vòng từ trạm bơm chữa cháy tới xung quanh nhà xưởng. Trong lòng các tuyến ống là nước chữa cháy áp suất cao. Trên tuyến ống này bố trí 2 trụ nước chữa cháy ngoài nhà D65x2 và 1 trụ tiếp nước từ xe ô tô chữa cháy. Các trụ này bố trí trên đất cây xanh tiếp giáp các tuyến đường nội bộ, cạnh nhà xưởng, cách mép đường giao thông nội bộ và tường nhà xưởng không quá 2,5m. Cạnh các trụ nước chữa cháy ngoài nhà có bố trí hộp đựng vòi, lăng chữa cháy bên trong có 2 cuộn vòi mềm D65 (20m/ cuộn)+ 1 lăng A/15.

- Công trình: bể chứa nước chữa cháy dung tích bể dự kiến 432m³ (được xây ngầm tại khu vực Nhà văn phòng, bố trí các trụ nước chữa cháy ngoài nhà để xe cứu hỏa tiếp cận theo quy định) và trạm bơm.

- Mạng lưới đường ống:

+ Quy hoạch tuyến ống chính DN100 từ điểm đầu nối với đường ống cấp nước của khu công nghiệp Đình Vũ đến bể nước ngầm PCCC và cấp nước cho sinh hoạt.

+ Quy hoạch các tuyến ống thép mạ kẽm cấp nước PCCC có đường kính DN100.

+ Quy hoạch các tuyến ống HDPE cấp nước sạch sinh hoạt chạy theo tường rào có đường kính DN20 ÷ DN40.

+ Đường ống cấp nước đặt bên dưới đất cây xanh độ sâu đặt ống trung bình 0,7m, ống ngang qua đường phải đảm bảo độ sâu tối thiểu 1m, tại những vị trí ống ngang qua đường phải lắp đặt tấm đan giảm tải (bên trên), ống lồng bên ngoài (ống thép, ống bê tông ly tâm ... hoặc các ống có tính năng kỹ thuật tương đương) hoặc đặt trong các tuynel, hào kỹ thuật. Đường ống dẫn và mạng lưới phải đặt dốc về phía xả cặn với độ dốc ống không nhỏ hơn 0,001. Tại điểm cao nhất trên từng đoạn ống bố trí van xả khí, điểm thấp nhất trên từng đoạn ống đặt van xả cặn và điểm cuối các tuyến ống có bố trí các hố xả cuối tuyến. Trên mạng lưới đường ống có bố trí các hố đồng hồ, hố van, tee chờ, tại các nút của mạng lưới bố trí van khoá để thuận tiện cho việc quản lý, vận hành và có thể sửa chữa từng đoạn ống khi cần thiết.

Ghi chú: Mạng lưới cấp nước chữa cháy là mạng lưới cấp nước chữa cháy ngoài công trình. Đối với các công trình, hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế hoàn chỉnh và được được cơ quan Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy thẩm duyệt.

d. Cung cấp năng lượng và chiếu sáng:

- Nguồn điện: Sử dụng nguồn 22kV từ tủ RMU KCN Deep C2A, thông qua tuyến điện ngầm 22kV chạy dọc theo đường phía Bắc khu vực lập quy hoạch.

- Trạm biến áp: 01 trạm biến áp với công suất trạm 250kVA cho Dự án.

- Điểm đầu 22kV: bố trí 01 điểm đầu 22kV để cấp nguồn cho trạm biến áp.

- Lưới điện:

+Lưới trung áp: sử dụng cáp ngầm 22kV-CU/XPLE/PVC/DSTA/PVC từ điểm đầu nối cáp nguồn cho trạm biến áp.

+ Lưới hạ áp: Lưới 0,4kV từ trạm biến áp phụ tải cáp đến khu vực tiêu thụ điện bằng các tuyến cáp ngầm 0,4kV-CU/XPLE/PVC/DSTA/PVC.

- Lưới chiếu sáng:

+ Nguồn cấp chiếu sáng lấy từ trạm biến áp dự kiến thông qua 02 tủ điều khiển đặt tại nhà bảo vệ và nhà xưởng.

+ Đèn chiếu sáng: Dùng đèn chiếu sáng Led công suất 120W/đèn (cấp bảo vệ IP66).

+ Cột đèn chiếu sáng đường giao thông: Sử dụng loại cột thép bát giác côn liền cần đôi, mạ nhúng kẽm nóng, có chiều cao 8÷10m cho khu vực công. Đoạn đi xung quanh nhà xưởng dùng ống thép tròn liền cần đơn, mạ kẽm nhúng nóng. Khoảng cách trung bình giữa các đèn 30m/đèn.

+ Lưới điện: Sử dụng cáp ngầm và cáp đi trên thang máng cáp. Cáp chôn ngầm chiếu sáng cho công phía trước khu đất, cáp được luồn trong ống nhựa chịu lực HDPE và chôn trực tiếp trong đất, cách cốt san nền 0,7m. Sử dụng cáp ngầm chiếu sáng 0,4kV- CU/XPLE/PVC/DSTA/PVC. Cáp đi trên thang máng cáp chiếu sáng cho đường xung quanh nhà xưởng, cáp đi trên thang máng cáp lắp đặt trong nhà xưởng. Sử dụng cáp chiếu sáng 0,4kV- CU/PVC/PVC/.

e. Thoát nước mưa:

- Hướng thoát nước mưa: Nước mưa được thu vào hệ thống rãnh B300 chạy dọc nhà xưởng về rãnh B400 và thoát vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp ở phía bắc khu đất.

- Hình thức thoát nước:

+ Mạng lưới rãnh thoát nước mưa B300 và B400 tách riêng hoàn toàn nước thải và đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp tại 1 vị trí trên vỉa hè đường giáp phía Bắc khu đất. Rãnh được thiết kế theo kiểu tự chảy, bố trí các rãnh thoát sao cho hướng thoát về vị trí đầu nối thoát nước của khu công nghiệp, các kênh thoát nước là nhanh nhất và ngắn nhất. Vị trí các rãnh được bố trí dưới lòng đường và vỉa hè.

f. Thoát nước thải:

- Hướng thoát nước thải: Nước thải được thu vào hệ thống ống thoát và chảy về phía bắc khu đất và thoát vào hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp.

- Giải pháp thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ thông qua bể tự hoại, nước thải từ bếp nhà văn phòng sẽ được tách dầu mỡ trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp.

- Hệ thống thoát nước thải mạng ngoài gồm đường ống, ga nước thải. Đường ống thoát nước thải kích thước DN110; độ dốc tối thiểu $i_{\min} \geq 1/D$. Độ sâu chôn ống tối thiểu dưới khu vực không có xe cơ giới qua lại là 0,3m, khu vực có xe cơ giới qua lại là 0,5m (tính đến đỉnh ống). Ga nước thải bố trí tại các điểm giao cắt, đổi hướng dòng chảy.

g. Quản lý chất thải rắn:

- Phân loại chất thải rắn: Để thuận tiện trong việc thu gom, vận chuyển, tái sử dụng và xử lý cần tiến hành phân loại chất thải rắn ngay từ nguồn phát thải thành 2 nguồn chính là chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ (thu gom hằng ngày) và chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn vô cơ (thu gom định kỳ).

- Thu gom và xử lý chất thải rắn:

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa rác chuyên dụng dung tích 50l/thùng có nắp đậy tại mỗi khu vực phát sinh: khu văn phòng, khu vệ sinh, hành lang nhà xưởng sản xuất. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì, thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải. Các loại chất thải rắn khác nhau sẽ được đơn vị chức năng tương ứng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

+ Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại: Bố trí kho chứa rác thải riêng biệt, nằm ngoài nhà xưởng, có tường bao và mái che, nền bê tông hóa chống thấm, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành. Các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại sẽ được phân loại và được đơn vị chức năng tương ứng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

h. Hạ tầng viễn thông thụ động:

- Nguồn cấp: Hệ thống thông tin liên lạc cho khu nghiên cứu được đầu nối vào tuyến cáp quang trên đường Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) (Khu công nghiệp Deep C2A). Khu vực thiết kế được đảm bảo về dung lượng cũng như lưu lượng thuê bao dự kiến.

- Phương thức:

+ Áp dụng công nghệ truy cập mạng quang thụ động theo chuẩn mạng GPON, (Gigabit-capable Passive Optical Networks) – Mạng quang thụ động tốc độ Gigabit.

+ Sử dụng dịch vụ viễn thông FTTH (Fiber To The Home) đây là mạng viễn thông băng thông rộng sử dụng công nghệ cáp quang để cung cấp các dịch vụ tốc độ cao được nối đến tận công trình.

+ Đường truyền dữ liệu đảm bảo được các nhu cầu sử dụng theo từng khu vực, theo từng giai đoạn sao cho dung lượng của các đường cáp không lãng phí, đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu phát triển với tốc độ cao của công nghệ thông tin trong tương lai.

- Mạng ngoại vi:

+ Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi có xét đến khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng để phát triển dịch vụ.

+ Cáp quang được luồn trong ống nhựa HDPE, cáp trong mạng nội bộ của khu vực thiết kế chủ yếu sử dụng loại cáp đi trong ống PVC, những đoạn cáp qua đường có tấm đan bê tông bảo vệ.

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan và tổ chức thực hiện:

- Giao Phòng Quy hoạch và Xây dựng phối hợp với Công ty TNHH keo dán Sứ tử vàng Đình Vũ Việt Nam và các đơn vị liên quan công bố công khai đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Dự án Nhà máy pha trộn keo dán Sứ tử vàng Đình Vũ Việt Nam, tại Lô CN7.2H, KCN Nam Đình Vũ (khu 2) (Deep C2A), Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

- Công ty TNHH keo dán Sứ tử vàng Đình Vũ Việt Nam và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu trong đồ án quy hoạch; đảm bảo nghiên cứu đúng chỉ giới khu đất, tuân thủ các quy định hiện hành về quy hoạch, xây dựng và các quy định khác theo pháp luật hiện hành.

- Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Dự án Nhà máy pha trộn keo dán Sứ tử vàng Đình Vũ Việt Nam được phê duyệt là căn cứ để lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý theo quy hoạch.

- Khi có yêu cầu điều chỉnh quy hoạch, Công ty TNHH keo dán Sứ tử vàng Đình Vũ Việt Nam có trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Trưởng các Phòng: Quy hoạch và Xây dựng, Quản lý Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Công ty TNHH keo dán Sứ tử vàng Đình Vũ Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng;
- UBND quận Hải An;
- TB, PTB N.Q.Minh;
- C.ty TNHH keo dán Sứ tử vàng ĐV VN;
- C.ty CP KCN Hải Phòng;
- Lưu: VP, QHXD.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Quang Minh